

TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI
MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: 03 (88) 2025
ISSN 1859-2635

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN

CVRSS

**Tap chí Khoa học xã hội
miền Trung**

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Duy Thụy - Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trần Minh Đức - Phó Chủ tịch

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

GS.TS. Nguyễn Hữu Minh

Hội Xã hội học Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Sơn

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

PGS.TS. Nguyễn Hữu Thanh Tâm

EM Normandie Business School – Cộng hòa Pháp

TS. Trần Thị Sáu

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng

TS. Lê Xuân Thông

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phạm Thị Xuân Nga

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trịnh Thị Thu

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Phan Thị Sông Thương

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Nguyễn Thị Thanh Xuyên

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lương Tình

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Lài Thị Vân

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

TS. Trương Thị Hạnh

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

BAN BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh

ThS. Châu Ngọc Hoà

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 03 năm 2025

Năm thứ mười tám

Mục lục

1. Từ địa kinh tế đến địa chính trị: BRI và những ranh giới mong manh trong hợp tác toàn cầu ... 3
Nguyễn Hùng Vương, Đỗ Thị Xuân Hiền
2. Cạnh tranh địa chiến lược giữa EU và Trung Quốc tại tiểu vùng sông Mê Kông..... 13
Đặng Minh Đức
3. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc tại Đông Nam Á giai đoạn 2017 - 2024 dưới góc nhìn của Chủ nghĩa Hiện thực22
Lê Thị Phương Loan, Bạch Thái Hiền
4. Phòng, chống lãng phí trong lĩnh vực kinh tế góp phần đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới31
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
5. Đổi mới quản lý nguồn nhân lực khu vực công tại Việt Nam: Thực trạng và đề xuất giải pháp theo hướng quản trị hiện đại.....38
Chử Đức Hoàng, Đàm Thị Hiền, Bùi Minh Chuyên
6. Phát triển bền vững du lịch vùng biên giới trong bối cảnh mới: Nghiên cứu trường hợp huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị..... 47
Hoàng Hồng Hiệp, Tống Thị Hải Hạnh, Nguyễn Thị Thanh Huyền
7. Thành phố Đà Nẵng đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam57
Nguyễn Dũng Anh
8. Nghiên cứu tác động của việc thực thi trách nhiệm xã hội đến sự gắn kết công việc của nhân viên tại các cơ sở lưu trú cao cấp ở Khánh Hòa66
Lê Trần Phúc, Đoàn Nguyễn Khánh Trân, Huỳnh Cát Duyên
9. Mô hình tích hợp du lịch sinh thái và nông nghiệp hữu cơ tại Hội An: Tiềm năng và giải pháp phát triển bền vững..... 77
Võ Hữu Hòa
10. Phân tích ý định hành vi chia sẻ tri thức – Trường hợp đội ngũ giảng viên thuộc Đại học Đà Nẵng 84
Phạm Quang Tín, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Phanith Silavy
11. Nhận diện loại hình, mức độ xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế trên địa bàn vùng ven biển tỉnh Quảng Ngãi..... 93
Châu Ngọc Hòe, Nguyễn Hoàng Yến
12. Phát huy Bài Chòi trong không gian đô thị Nam Trung Bộ..... 101
Nguyễn Thị Thanh Xuyên
13. Vai trò của Phật giáo Đà Nẵng (xứ Quảng) trong đời sống xã hội giai đoạn thế kỉ XVII - XIX109
Lê Xuân Thông
14. Dấu tích thời đại đá cũ tại lưu vực sông Krông Nô, tỉnh Đắk Nông..... 119
Vũ Tiến Đức
15. Tái cấu trúc giá trị di sản nhà dài truyền thống của người Ê Đê phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Đắk Lắk..... 130
Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Vũ Minh
16. Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã..... 137
Phạm Thị Xuân Nga
17. Khai thác văn hóa Chăm để phát triển du lịch: Trường hợp các homestay ở Ninh Phước - Ninh Thuận .. 144
Châu Nữ Hoàng Yến, Đồng Thành Danh

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01/04/2024, Giấy phép bổ sung số 81/GP-BVHTTDL ngày 24/7/2025. Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 03 năm 2025. In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 09/2025.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 03, 2025

The 18th Year

Contents

1. From geoeconomics to geopolitics: the BRI and the fragile boundaries of global cooperation **3**
Nguyen Hung Vuong, Do Thi Xuan Hien
2. Geostrategic competition between the EU and China in the Greater Mekong subregion..... **13**
Dang Minh Duc
3. U.S. - China Strategic Competition in Southeast Asia during 2017 – 2024 from a Realist Perspective.....**22**
Le Thi Phuong Loan, Bach Thai Hien
4. Preventing economic waste to boost Vietnam's strong advancement into a new era.....**31**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy
5. Innovating public sector human resource management in Vietnam: Current situation and policy recommendations towards modern governance**38**
Chu Duc Hoang, Dam Thi Hien, Bui Minh Chuyen
6. Sustainable tourism development in Quảng Trị's border region in the new context: A case study of the former Hướng Hóa district.....**47**
Hoang Hong Hiep, Tong Thi Hai Hanh, Nguyen Thi Thanh Huyen
7. Đà Nẵng city's promotion of the development of science, technology, innovation, and digital transformation towards the Era of Nation's Rise.....**57**
Nguyen Dung Anh
8. Examining the Impact of implementing Corporate Social Responsibility on Employee Work Engagement in Luxury Accommodations in Khánh Hòa.....**66**
Le Tran Phuc, Doan Nguyen Khanh Tran, Huynh Cat Duyen
9. The integrated model of ecotourism and organic agriculture in Hoi An: Potentials and sustainable development solutions.....**77**
Vo Huu Hoa
10. An analysis of the knowledge sharing behavioral intentions: A case study of lecturers at the University of Danang.....**84**
Pham Quang Tin, Nguyen Thi Thanh Nhan, Phanith Silavy
11. Identifying Types and Levels of Social Conflict in the Economic Sector: Evidence from the Coastal Areas of Quang Ngãi Province**93**
Chau Ngoc Hoe, Nguyen Hoang Yen
12. Promoting Bài Chòi in the urban contexts of the South Central Coast Region..... **101**
Nguyen Thi Thanh Xuyen
13. The Role of Buddhism in Da Nang (the Quang Region) in Social Life in the 17th–19th centuries.....**109**
Le Xuan Thong
14. Paleolithic Vestiges in the Krông Nô River Basin, Đắk Nông Province**119**
Vu Tien Duc
15. Restructuring the Heritage Value of the Ê Đê's Traditional Longhouses for Tourism Development in Đắk Lắk Province**130**
Nguyen Van Manh, Nguyen Vu Minh
16. Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã..... **137**
Pham Thi Xuan Nga
17. Exploiting Chăm culture for tourism development: The case of homestays in Ninh Phước - Ninh Thuận**144**
Chau Nu Hoang Yen, Dong Thanh Danh

Câu quan hệ so sánh trong sử thi Đăm Săn và sử thi Xing Nhã

Phạm Thị Xuân Nga

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên

Email liên hệ: xuanngapham1982@gmail.com

Tóm tắt: Câu quan hệ so sánh là một trong những kiểu câu có tần số xuất hiện khá nhiều trong sử thi Êđê. Tuy nhiên, nghiên cứu ngữ nghĩa, ngữ pháp và ngữ dụng của câu biểu hiện sự tình so sánh trong các sử thi này vẫn còn nhiều khoảng trống. Bài viết này trình bày đặc điểm ngôn ngữ, cụ thể là cấu trúc câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã. Đây là một trong những nghiên cứu cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy nghiên cứu ngôn ngữ học nói chung, nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số nói riêng.

Từ khóa: Cấu trúc, câu quan hệ so sánh, sử thi Êđê, Sử thi Đăm Săn, Sử thi Xing Nhã.

Comparative relative sentences in the epics of Đăm Săn and Xing Nhã

Abstract: The comparative relative sentences constitute one of the most frequently occurring sentence types in the Ê Đê epics. However, there are still many gaps in research on the semantics, grammar and pragmatics of the comparative sentences in these epics. This article presents the linguistic characteristics, specifically the structure of the comparative relative sentences in the Đăm Săn and the Xing Nhã Epics. This is one of the necessary and significant studies in promoting linguistic research in general, and the study of minority languages in particular.

Keywords: Sentence structure, comparative relative sentences, Ê Đê epics, Đăm Săn Epic, Xing Nhã Epic.

Ngày nhận bài: 28/5/2025; **Ngày phản biện:** 10/6/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/8/2025

1. Đặt vấn đề

Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã là hai sử thi nổi tiếng và là niềm tự hào của người Êđê. Đây là những tác phẩm có giá trị cả về nội dung lẫn hình thức, trong đó có đặc trưng về cấu trúc câu quan hệ so sánh. Kiểu cấu trúc này cũng có tần số xuất hiện lớn trong các thể loại văn học dân gian của người Êđê như truyện cổ, tục ngữ, luật tục... Cấu trúc này cũng phản ánh cách tư duy so sánh mang đậm cái nhìn mọi vật trong tư thế ngang bằng của người Êđê: nói về vấn đề, sự việc này nhưng lại liên tưởng đến những hình ảnh, vấn đề tương tự để dễ hình dung, so sánh. Mặt khác, cấu trúc *klei duê* trong các sử thi là một hình thức ngôn từ được phát triển lên từ khẩu ngữ với cách nói luôn ví von, so sánh, để khẳng định điều muốn nói.

Câu quan hệ so sánh là câu mà nòng cốt biểu thị sự tình quan hệ so sánh, thường gồm quan hệ so sánh cùng hai tham thể quan hệ và có thể có một hoặc một số chu cảnh. Khi được hiện thực hóa trong câu, hai tham thể quan hệ so sánh thường đóng vai trò chức năng chủ ngữ và bổ ngữ của câu; các chu cảnh (nếu có) đảm nhận các chức năng cú pháp của câu như đề ngữ, trạng ngữ. Riêng quan hệ so sánh (nội dung của sự tình so sánh) được hiện thực hóa trong vai trò vị tố so sánh của câu. Do đó, về mặt lí thuyết, các yếu tố bắt buộc có mặt trong câu quan hệ so sánh là: vị tố quan hệ so sánh, chủ ngữ và bổ ngữ. Bài viết này, chúng tôi phân tích câu quan hệ so sánh trên bình diện kết học từ ngữ liệu trong sử thi Đăm Săn (Nguyễn Hữu Thấu, 2003) và sử thi Xing Nhã (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hoá, 2007). Kết học là bình diện nghiên cứu các mối quan hệ ngữ pháp giữa các đơn vị ngữ pháp trong câu.

2. Cấu trúc của câu quan hệ so sánh

Cấu trúc so sánh có chức năng cú pháp gắn với những chức năng nghĩa nhất định và được sắp xếp theo trật tự ổn định làm thành cấu trúc cú pháp cơ sở của câu quan hệ. Trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã, trật tự cấu trúc câu quan hệ so sánh như sau:

Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
Tham thể quan hệ	Quan hệ so sánh	Tham thể quan hệ

2.1. Chủ ngữ

Chủ ngữ trong cấu trúc câu quan hệ so sánh là yếu tố mang quan hệ so sánh được ấn định bởi vị tố nêu quan hệ so sánh. Về hình thức, chủ ngữ thường đứng trước vị tố. Có trường hợp chủ ngữ trong câu bị khuyết do bị chi phối về mục đích tu từ hoặc ngữ cảnh tình huống. Về mặt từ loại, chủ ngữ có thể được thể hiện:

* *Chủ ngữ thuộc danh từ (cụm danh từ)*: Trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã, chủ ngữ của câu quan hệ so sánh được diễn đạt chủ yếu bằng các danh từ chỉ sự vật cụ thể. Đó là các từ chỉ sự vật tồn tại dưới dạng các cá thể riêng lẻ, ví dụ:

(1) *Kiê kngan msě luêh ksua* (Ngón tay như lông nhím) [I; tr.33].

(2) *Djam buê mnga* (Cơm vàng như hoa cải) [II; tr.37].

(3) *Êgei si asăr kmun* (Bộ răng như hạt dưa hấu) [II; tr.42].

(4) *Mlào muñ đơ guôl êđang, mlào kang đơ hwiê êpông...* (*Râu mép bằng sợi móc, râu hàm bằng đọt song...*) [I; tr.17].

Bên cạnh đó, chủ ngữ còn là các danh từ chỉ các sự vật tổng thể, các sự vật bao gồm những sự vật riêng lẻ gộp lại thành một chỉnh thể nguyên vẹn:

(5) *Ai blũ hrei* đơ bung mdei (Bụng dạ tức lên to bằng cái gùi) [II, tr.111]

(6) *Kbúng kbiê msě blă kmrõng* (*Nồi bung nổi bẫy như ốc sên rừng*) [I; tr.41].

(7) *Bõ mta si pruih êa củ, si riă êa bǎl, kbaô mcah pǎl amâo jhõng gǎn ti anǎp* (*Mặt mũi như phun hơi men, như hầm trong nước vang, râu tơ thấy cũng không dám đi qua trước mặt*) [I; tr.41];

(8) *Kju đao msě si brõng...* (*Gươm giáo như ngọn cây...*) [I; tr.57].

Ngoài ra, chủ ngữ trong câu quan hệ so sánh còn được diễn đạt bằng danh từ loại thể:

(9) *Anei boh tih djõ arǎng klia, boh pha djõ arǎng bi bõng...* (*Bắp chân họ như người ta trau, bắp đùi như người ta chuốt...*) [I; tr.42].

(10) *Áo msě bruǎ kteh luôm juê* (Áo váy mềm mại như lá chuối non) [II; tr.37].

Chủ ngữ của câu quan hệ so sánh còn là cụm danh từ chính phụ. “Cụm danh từ chính phụ gồm có thành tố chính do danh từ đảm nhiệm và các thành tố phụ do những từ thuộc từ loại khác nhau đảm nhiệm. Các thành tố phụ đứng trước thành tố chính tạo thành phần đầu của cụm danh từ, các thành tố phụ đứng sau thành tố chính tạo thành phần cuối của cụm danh từ. Thành tố chính tạo thành phần trung tâm” (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk - Viện Ngôn ngữ học, 2011, tr.184). Qua khảo sát ngữ liệu ở Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã, chúng tôi nhận thấy chủ ngữ được cấu tạo bằng cụm danh từ chính phụ, thường chỉ có phần trung tâm và phần cuối của cụm danh từ. Danh từ trung tâm chủ yếu là các danh từ chỉ sự vật cụ thể, còn phần cuối là các thành tố phụ đứng sau trung tâm cũng không chỉ có một loại, đồng thời một số thành tố ở vào vị trí xác định. Chẳng hạn:

(11) *Diõ kmlũng djõ pui cai*. (*Đĩa khiêng đồng như ánh đèn chai*) [I; tr.42].

(12) *Klei cing char si prôc wǎk wai, mrai kñĩ hrah si mnga djam piêt* (*Dây công khiêng như mạng nhện, chỉ vàng đỏ như hoa dam piêt*) [I; tr.51].

* *Chủ ngữ thuộc động từ (cụm động từ)*

Chủ ngữ của câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã chủ yếu được diễn đạt bằng động từ ngoại hướng và động từ nội hướng:

(13) *Hlei poh hgor, poh amâo mdei kngan. Tông si aê drei đum bi tông* (Ai đánh trống, đánh không dừng tay. *Đánh như ông chúng ta xưa từng dạy đánh*) [I; tr.44].

(14) *Êbǎt msě kên krô* (*Bước đi như cầu vồng*) [II; tr.43].

(15) *Dhẽ dhẽ msě djam kđuh cim* (*Múa nhẹ như cánh chim bay*) [II; tr.138].

Cũng như cụm danh từ, cụm động từ chính phụ cũng có động từ giữ vai trò làm trung tâm, phần trước và phần sau động từ trung tâm do các thành tố phụ đảm nhận. Phần trung tâm của cụm động từ chính phụ làm chủ ngữ trong câu quan hệ so sánh ở hai sử thi này thường là các *động từ ngoại hướng*. Ngoài ra, còn có *động từ nội hướng*, *động từ cảm nghĩ*. Ví dụ:

(16) *Ghat toh kroh djõ boh êyǎn* (*Múa lạch xạch như quả mướp khô*) [I; tr.37] - (Động từ ngoại hướng).

(17) *Buh êlan êrô êbat djõ dhul kwǎ* (Cảm thấy đi đi lại lại như trong sương mù) [I; tr.62] - (Động từ cảm nghĩ).

(18) *Êbat djhin djhuôn msě mnuih duam mrâo* (*Đi lom khom như người mới ốm.*) [I; tr.142] - (Động từ nội hướng).

** Chủ ngữ thuộc tính từ (cụm tính từ)*

Trong sử thi, chủ ngữ của câu quan hệ so sánh còn là một tính từ nêu lên các thuộc tính. Đó có thể là tính từ chỉ tính chất bên ngoài của sự vật hoặc bên trong của sự vật hiện tượng, ví dụ:

(19) *Dlăng lăng tong blông* msẽ ktông tơ nô mdrông dăm du, msẽ lơ mô kbao tơ nô (*Nhanh nhen như hươu đực, trâu bò đực*) [II; tr.169].

(20) Si ar amâo siam, *guh* msẽ yang, *ang* msẽ adie! (Sao lại không đẹp, *lộng lẫy* như thần, *ngời sáng* như trời!) [I; tr.33].

(21) *Kjăp* si mắt, tlâu tal kã hõng čđeng lui dũm non bẽ ayõng (Vững như ba lớp rào, cao khỏe như thân cây cọ) [II; tr.71].

(22) Mmih moh, mmih hang rang toi hlor knga, *mmih* msẽ mtei pha, msẽ êya pui... (Ngọt rồi đây, ngọt đến nóng cả lỗ tai, *ngọt* như chuỗi hương, như gừng gié,...) [I; tr.75].

Đặc biệt, với sự tham gia của phương thức láy và ghép trong tiếng Êđê, hàng loạt từ phức chỉ tính chất được tạo nên, với những sắc thái nghĩa rất phong phú:

(23) *Kmhun kmhiên* si diăn ê'un, *kmheh kmhun* si hmlei ênuôn (*Khép nép* như cái mỗi sấp, *khúm núm* như con cúi bông) [I; tr.13].

(24) *Kplūk kplāk* msẽ dhul aguah (*Dồn dập* như sương sớm) [II;tr.48].

** Chủ ngữ thuộc đại từ*

Đại từ làm chủ ngữ trong câu quan hệ so sánh ở hai sử thi chủ yếu là đại từ xưng gọi. Trong câu quan hệ so sánh, hai đại từ *káo* (tôi, tao) và *ih* (mày) thường đi cặp với nhau và có thể xưng gọi cho hầu hết mọi đối tượng. Do đó, cặp đại từ này dễ dàng nhận thấy nó đóng vai trò làm chủ ngữ trong câu quan hệ so sánh. Bên cạnh đó còn có các đại từ nhân xưng ngôi thứ ba hoặc là tên riêng.

(25) *Jar Kók* ruã kpiê lu leh mdria, mdei mdei. (*Chi Kốc* say rượu bước đi như con trâu say nắng) [II; tr.50].

(26) *Mnuih* du bla mnuih mrâu mẽ si ajik ba mbõ arõ ba mđĩ yoh di nũ dua. (*Họ* bám nhau như ếch công nhau) [II, tr.63].

(27) *Õng* msẽ si êđai kan, êđai aik pung klung pal wal ơ wei doi. (Họ nhảy múa đánh chém như đàn cá dưới lòng suối vờn nhau, như con ếch đuổi nhau dưới ao) [II; tr.146].

(28) Anei, *amai* ah, si lei *ih* anei msẽ hõng amâo mào ung moh! (Này, chị à, sao *chị* cứ như gái không chồng vậy!) [I; tr.24].

** Chủ ngữ là một câu bị bao*

Ở câu quan hệ so sánh, ngoài các thành phần làm chủ ngữ của câu như danh từ (cụm danh từ), động từ (cụm động từ), tính từ (cụm tính từ) hay đại từ thì chủ ngữ của câu vẫn có thể được cấu tạo là một câu bị bao. Hay nói cách khác, người Êđê dùng những cụm từ (nhất là cụm danh từ) có hình thức giống câu đơn bình thường (cụm C-V) làm thành phần của câu để mở rộng câu. Cụm C-V được mở rộng gọi là câu bị bao có chức năng làm thành phần chủ ngữ của câu quan hệ so sánh. Chẳng hạn:

(29) *Ejai nao* msẽ hong kdít (*Mọi người* trở về nhà như đàn ong về tổ) [II; tr.36].

(30) *Đao nũ kda* si kêni êrô (*Gươm hấn óng ánh* như cái cầu vồng) [I; tr.48].

(31) *Asei dôk dũn* si prôk mnga (*Hắn ngói thu lu* như con sóc hoa) [I; tr.47].

Như vậy, chủ ngữ của câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã được cấu tạo khá phong phú, chúng biểu đạt mọi sự vật, hiện tượng cũng như hoạt động, tính chất của đời sống cộng đồng Êđê.

2.2. Vị tố của câu quan hệ so sánh

2.2.1. Đặc điểm ngữ nghĩa và ngữ pháp của vị tố quan hệ so sánh

** Đặc điểm ngữ nghĩa:* Vị tố quan hệ so sánh là vị tố biểu thị một thuộc tính nào đó giữa hai hay nhiều thực thể. Do đó, xét về mặt nghĩa, một từ muốn trở thành vị tố quan hệ so sánh thì trong nội dung ý nghĩa của nó phải bao hàm nét nghĩa quan hệ so sánh. Trên hình thức, nét nghĩa quan hệ của vị tố quan hệ so sánh thể hiện ở chỗ nó luôn được làm rõ bởi hai tham thể nằm trong mối quan hệ so sánh. Trong mối quan hệ với hai tham thể này, vị tố quan hệ so sánh đóng vai trò là yếu tố trung tâm, chi phối và ấn định hai tham thể. Ngược lại, sự xuất hiện của hai tham thể sẽ bổ sung và làm rõ nghĩa cho vị tố so sánh.

Vì chứa đựng nét nghĩa quan hệ trong nội dung ý nghĩa "Từ biểu thị quan hệ ngang bằng hoặc tương đồng trong sự so sánh về một mặt nào đó giữa các sự vật, hiện tượng hoặc trạng thái, tính chất" (Hoàng Phê (2011), tr.936) cho nên "như" có thể trong vai trò *vị tố quan hệ so sánh*. *Vị tố*

quan hệ so sánh (VTQHSS) đòi hỏi được làm rõ nghĩa bởi hai tham thể là: *thể được so sánh* (TĐSS) và *thể dùng để so sánh* (TDĐSS). Ví dụ:

(32) M'iêng ao blíp blir **msě si** kmlã mlam [I; tr.104]

(Váy áo lấp lánh **như** ánh chớp ban đêm.)

TĐSS VTQHSS TDĐSS

Xét về mặt nghĩa, vị tố quan hệ so sánh phải là những từ có chứa nét nghĩa quan hệ so sánh và đóng vai trò chính của câu về mặt nghĩa.

* *Đặc điểm ngữ pháp*: Vị tố quan hệ so sánh khảo sát trên ngữ liệu Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã có những đặc điểm ngữ pháp như sau:

Về vị trí, vị tố quan hệ so sánh thường đứng trực tiếp sau chủ ngữ. Ví dụ:

(33) Pô dề *msě* hong dhul lơ ya. (Thân *như* mảnh đất rộng) [II; tr.96].

(34) Kru aseh êman *si* bônñ klei (Dấu chân ngựa voi *như* bện thừng) [I; tr.13].

(35) Tềc *si* êga (Chông lớn *như* sỏi cát) [I; tr.46].

Về khả năng kết hợp, vị tố quan hệ có khi kết hợp với các từ phủ định đôi phía trước như *amào mào, kăn mào* (không có).

(36) Hđeh păn ênan, hđeh thào êran êbat *kăn mào msě si* ñu (Những đứa trẻ bám thang, những đứa biết đi biết chạy *không có như* nó) [I; tr.68].

Về chức năng, vị tố quan hệ so sánh là yếu tố chính của câu về phương diện cú pháp. Vị tố quan hệ so sánh sẽ quy định các chức vụ cú pháp của các yếu tố khác trong câu. Chẳng hạn, những yếu tố có quan hệ gần gũi nhất với vị tố sẽ là thành phần chính của câu và cùng với vị tố tạo nên cấu trúc cơ sở của câu. Yếu tố có quan hệ gần gũi nhất với vị tố so sánh, nếu là yếu tố nêu thực thể được đem ra để tri giác, nhận thức làm cơ sở cho sự triển khai ý ở vị tố thì sẽ là chủ ngữ, còn bổ ngữ đóng vai trò thực thể, được dùng làm mốc, làm chuẩn cho vị tố so sánh. Cả chủ ngữ và bổ ngữ đều chịu sự chi phối và ấn định trực tiếp của vị tố. Bên cạnh đó, trong câu còn có thể xuất hiện những yếu tố do sự quy định của ngữ cảnh, tình huống nhưng phải được vị tố chấp nhận. Những yếu tố ấy không thuộc cấu trúc cơ sở, nhưng vẫn nằm trong cấu trúc cú pháp của câu. Đó chính là *trạng ngữ* và *đề ngữ*.

Tóm lại, các yếu tố nằm trong cấu trúc cú pháp là những yếu tố ít nhiều liên quan tới vị tố của câu. Trong câu quan hệ so sánh, ngoài yếu tố ấy, còn có những yếu tố không trực tiếp liên quan tới vị tố so sánh và nằm ngoài cấu trúc cú pháp. Các thành phần biệt lập như: *thành phần gọi đáp, phụ chú, tình thái, chuyển tiếp...* là những yếu tố như vậy.

Như vậy, vị tố quan hệ so sánh là những từ có chứa nét nghĩa quan hệ nêu thuộc tính và là yếu tố chính của câu về phương diện nghĩa cũng như phương diện cú pháp.

2.2.2. Từ làm vị tố quan hệ so sánh

Từ làm vị tố so sánh là các từ tự thân có ý nghĩa quan hệ. Khảo sát ngữ liệu câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã, cho thấy:

* *Từ làm vị tố quan hệ so sánh là từ chỉ quan hệ không dùng độc lập*

Theo *Ngữ pháp tiếng Êđê*, “*msě*” vốn là một tính từ (nghĩa là giống) được làm thời dùng làm phụ từ so sánh. Đồng nghĩa với *msě* là *msě si* (như là), *msě ñik* (như hệt)... (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk - Viện ngôn ngữ học (2011), tr.175). Có thể thấy, việc sử dụng làm thời một cách phổ biến đã biến tính từ *msě* (giống) trở thành phụ từ so sánh *msě* (như). Liên hệ giữa vị tố “*như*” trong câu quan hệ tiếng Việt và *msě* (như) ở câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã có những nét tương đồng. Vì vậy, chúng tôi xếp *msě* (như) là tính từ làm thời tự thân có ý nghĩa quan hệ, giữ vai trò là vị tố quan hệ không dùng độc lập trong câu quan hệ so sánh.

Từ chỉ quan hệ so sánh không dùng độc lập có khả năng làm vị tố quan hệ so sánh vì bản thân nó hàm chứa nét nghĩa quan hệ so sánh. Tuy vậy, từ này chỉ thực sự trở thành vị tố quan hệ khi đóng vai trò chính trong câu về mặt nghĩa và ngữ pháp. Trường hợp cũng là từ chỉ quan hệ không dùng độc lập nhưng không đóng vai trò chính trong câu về mặt nghĩa và ngữ pháp, thì không phải vị tố quan hệ so sánh. Có thể so sánh hai trường hợp sau đây:

(37) Arăng êrô ôk gah trah dlăng kơ êkei Đăm Săn krup *msě si* yang (Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài nhìn chàng Đăm Săn oai *như* vị thần) [I; tr.63].

(38) Kju đao *msě si* brông (Gươm giáo *như* ngọn cây) [I; tr.57].

Ở hai ví dụ trên, đều có sự xuất hiện của từ chỉ quan hệ không dùng độc lập: từ *msě si* (như). Tuy nhiên, ở ví dụ (37), từ *msě si* không có khả năng đóng vai trò chính trong câu về mặt nghĩa và mặt ngữ pháp. Ở ví dụ này, *Arăng êrô ôk gah trah dlăng kơ êkei Dăm Săn krup* (Người đi ra đi vào nhà trong nhà ngoài nhìn chàng Đăm Săn) và *yang* (vị thần) không phải là hai tham thể quan hệ bổ sung làm rõ nghĩa cho *msě si*. Vì vậy, *msě si* không phải là yếu tố chính về mặt nghĩa. Theo đó, ở bình diện ngữ pháp, *msě si* không thể là yếu tố chính chi phối các yếu tố khác trong câu. Yếu tố chính trong câu này thuộc về từ *dlăng* (nhìn). Do không đóng vai trò chính về mặt nghĩa và mặt ngữ pháp, *msě si* ở ví dụ (37) không phải là vị tố quan hệ của câu, mặc dù trong bản thân nó hàm chứa nét nghĩa quan hệ. Trong trường hợp này, *msě si* (như) là vị tố quan hệ của cụm C-V mở rộng “êkei Dăm Săn krup *msě si yang*”. Cụm C-V này có chức năng làm bổ ngữ cho *dlăng* - vị tố chính của câu.

Trong khi đó, ở ví dụ (38), *kju đao* (gươm giáo) và “*rông* (ngọn cây)” là hai tham thể được ấn định bởi *msě si* và làm rõ nghĩa cho nó. Do vậy, ở đây, *msě si* là yếu tố chính về mặt nghĩa. Về mặt ngữ pháp, *msě si* cũng đóng vai trò trung tâm chi phối chủ ngữ (*kju đao - gươm giáo*) và bổ ngữ (“*rông - ngọn cây*”), nên *msě si* ở ví dụ (38) đóng vai trò chính về mặt nghĩa và ngữ pháp nên nó là vị tố quan hệ so sánh của câu.

Như vậy, không phải bất cứ từ chỉ quan hệ so sánh không dùng độc lập nào cũng có khả năng làm vị tố quan hệ so sánh. Chỉ những yếu tố chính trong câu về mặt nghĩa và ngữ pháp mới có thể trở thành vị tố quan hệ so sánh. Đây chính là cơ sở để phân biệt rõ từ chỉ quan hệ không dùng độc lập (quan hệ từ phụ thuộc) với vị tố quan hệ so sánh. Điểm khác nhau giữa từ chỉ quan hệ không dùng độc lập và vị tố quan hệ so sánh, trước hết là ở chức năng của chúng. Từ chỉ quan hệ không dùng độc lập là nhãn hiệu từ loại và có chức năng nối kết. Còn vị tố quan hệ so sánh là chức năng cú pháp chính của câu quan hệ so sánh có khả năng kết hợp với yếu tố từ vựng đứng trước trong vai trò chủ ngữ và yếu tố từ vựng đứng sau nó trong vai trò bổ ngữ.

Trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã, với vai trò vị tố quan hệ là những từ chỉ quan hệ không dùng độc lập bao gồm: *msě* (như), *si* (như), *djõ* (như).

(39) Rông *djõ* kgào (Sống như con gấu rừng) [II; tr.71]

(40) Kru êman *msě* tluôn êsũng... (Dấu chân voi như tròn cổ già gạo...) [I; tr.13].

(41) Mnhê kmlũng *djõ* arăng pao (Khiên đồng kêu như ai đó cầm lắc) [I; tr.45].

* Từ làm vị tố quan hệ so sánh là tính từ có ý nghĩa quan hệ so sánh

Ngoài các từ chỉ quan hệ so sánh không dùng độc lập, trong vai trò vị tố quan hệ còn là tính từ có ý nghĩa quan hệ. Đó là tính từ trong vai trò của vị tố bao giờ cũng đòi hỏi được làm rõ nghĩa bởi hai tham thể quan hệ.

Chẳng hạn, chúng ta có tính từ *knar* (bằng, khác nào). Ý nghĩa quan hệ của từ *knar* được thể hiện ở chỗ bao giờ nó cũng đòi hỏi làm rõ nghĩa bởi hai tham thể nằm trong tương quan ngữ nghĩa “*a là thuộc tính so sánh của x*”, trong đó *x* là thể được so sánh, *a* là thể dùng để so sánh. Nằm trong tương quan ngữ nghĩa này, *a* và *x* cùng nhau thiết lập nên một quan hệ, đó là quan hệ so sánh. Ví dụ:

(42) Asăp ãu tlao *knar* hlong
(Tiếng cười khác nào tiếng công hlong) [I; tr.74].

Thể được so sánh *Quan hệ so sánh* *Thể dùng để so sánh*

Trường hợp nếu khuyết một trong hai tham thể là do sự chi phối của ngữ cảnh và dễ dàng khôi phục được dựa vào ngữ cảnh.

Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã còn có các tính từ khác làm thời làm vị tố quan hệ: *mđor* (bằng), *đơ* (bằng), *hĩn* (hơn), *hõng* (bằng), *mtăp* (bằng), *mnhông* (bằng), *hmao* (kip), *knar* (ngang, bằng), *mnga* (như) ví dụ:

(43) Êsie kỏ *mnga* êpang (Cơm trắng như hoa Ê Pang) [II; tr.37].

(44) Ai blũ hrei đơ bung mdei (Bụng dạ tức lên to bằng cái gùi) [II; tr.111].

(45) Ung *mđor* bở, mỏ *mđor* dhei (Chồng bằng mặt, vợ bằng trán) [I; tr.76].

(46) Boh tih đơ êda, boh pha đơ êđai (Bắp chân bằng cây xà ngang, bắp đùi bằng ống bễ) [I; tr.74].

2.3. Bổ ngữ

Trong câu quan hệ so sánh, bổ ngữ là yếu tố được ấn định bởi vị tố quan hệ so sánh, nó là thành phần câu làm rõ nghĩa cho quan hệ so sánh được nêu ở vị tố. Vị trí của bổ ngữ trong câu quan hệ so sánh là vị trí đứng sau vị tố. Bổ ngữ được thể hiện trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã như sau:

* *Bổ ngữ được diễn đạt bằng danh từ (cụm danh từ)*

Cũng như chủ ngữ, bổ ngữ được diễn đạt bằng danh từ. Tuy nhiên, nếu chủ ngữ được diễn đạt chủ yếu là các danh từ chỉ sự vật cụ thể thì bổ ngữ phong phú, đa dạng hơn, như:

Danh từ chỉ tên riêng, ví dụ:

(47) Tar sah mdrông kăn mào msě si êkei *Dăm Săn* (Khắp các tù trưởng không có ai như *Dăm Săn*) [I; tr.41].

Danh từ chỉ sự vật cụ thể, ví dụ:

(48) Mã kđeo jih *kbào* (Vú non như quả bầu) [II; tr.80]

(49) Mĩê kông đök si *dhiär*. (Tiếng (nói) nghe như *chong chóng gõ mõ*) [I; tr.63].

Danh từ chỉ sự vật trừu tượng: Đó là các danh từ “biểu thị các khái niệm tồn tại trong nhận thức của con người, được hình dung như những *sự vật*, tuy không cảm nhận trực tiếp được bằng các giác quan” (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk - Viện ngôn ngữ học (2011), tr.136), ví dụ:

(50) Ai buôn anei, hłáp káo msě *bun ban!* (Gớm thật làng này, giỡn ta như *con mụ nghèo hèn!*) (tr.20);

(51) Msě si *hmũ gram yăn mnuh* (Cổng làng kêu như *sấm mùa reo*) [II; tr.96].

(52) Hlưk mthi si *kmlä mlan sa* (Bấp chân như *chớp thảng giêng*) [II; tr.42].

Danh từ loại thể, xét bản chất là danh từ “chỉ những “sự vật” khái quát trừu tượng, có thể được hiểu là “cái”, “con” hoặc “chiếc”... chung chung”. “Vị trí thường gặp của các danh từ chỉ loại thể là đứng sau số từ (để đếm) và đứng trước một danh từ khác” (Đoàn Văn Phúc, 1998, tr.138). Ví dụ:

(53) Ghat toh kroh djở *boh êyăn* (Múa lạch xạch như *quả mướp khô*) [I; tr.20].

(54) Rông jởng djở *ktũ sa boh* (Mu bàn chân như *một vì sao*) [II; tr.42].

Sử thi *Đăm Săn* và Sử thi *Xing Nhã* đều có một lượng lớn câu mà bổ ngữ do danh từ trừu tượng và danh từ chỉ loại thể đảm nhận. Điều đó cũng phản ánh phần nào cách tư duy của người Êđê về sự vật, hiện tượng trong đời sống cộng đồng.

Bổ ngữ trong hai sử thi này còn được diễn đạt bằng các cụm danh từ, trong đó danh từ trung tâm chủ yếu là danh từ chỉ sự vật. Phần đầu của cụm thường không xuất hiện, còn phần cuối của cụm là các thành tố phụ có vai trò xác định, cụ thể hóa, giải thích hoặc bổ sung thêm về đặc tính cho sự vật do danh từ trung tâm biểu thị. Ví dụ:

(55) Mũn kkuê si *trông luê ksă*, (Cổ (chàng) như *quả cà chín*). [I; tr.17].

(56) Sang nũ si *hrai êga* (Nhà họ như *sói rái*) [II; tr.146].

* *Bổ ngữ được diễn đạt bằng động từ (cụm động từ)*

Sử thi *Đăm Săn* và Sử thi *Xing Nhã* xuất hiện bổ ngữ có cấu tạo bằng động từ, nhưng số lượng không nhiều. Chẳng hạn:

(57) Anei nũ dê amáo blũ ôh, bở mta si pruih êa cuă, si *riă êa băi*, ngă si *ăl si côiñ*. (*Đăm Săn* không nói, mặt như phun hơi men, như hầm trong nước vang, làm như *la mắng*, như *tức giận*) [I; tr.41].

Bổ ngữ còn được diễn đạt bằng cụm động từ có cấu tạo chủ yếu hai phần, phần trung tâm là các động từ ngoại hướng, phần cuối là các thành tố phụ chỉ sự vật là đối tượng tác động của hành động (do từ ở phần trung tâm biểu thị).

(58) Hlũn trũn tấp djở *rah êsũng* (Tôi tớ xuống giã gạo như *vãi cối*) [I; tr.42].

(59) Asei mlei msah msě *mnei êa hlim hjan* (Người chúng tôi ướt như *tắm nước mưa dầm*) [II; tr.180]

* *Bổ ngữ được diễn đạt bằng tính từ*

Các tính từ làm bổ ngữ của câu quan hệ so sánh trong Sử thi *Đăm Săn* và Sử thi *Xing Nhã* thường là các tính từ chỉ tính chất bên ngoài của sự vật, hiện tượng.

(60) Êkũt si *mang*, mang si *ékũt* (Vắng như *không*, không như *vắng*) [I; tr.57].

(61) Ciăng bở si *knuê*, asei si *hđăp* (Muốn mặt như *cũ*, thân hình như *xua*) [II; tr.157].

* *Bổ ngữ là đại từ*

Bổ ngữ trong câu quan hệ so sánh cũng thường là các đại từ: Đại từ ngôi II, số ít như “*ông*” (mày) mang sắc thái thân mật, suồng sã, còn số nhiều là “*di ih*” (các ông, các anh, các chị...) hoặc đại từ ngôi III, số ít như “*nũ*” (nó). Các đại từ này đều mang sắc thái trung hòa.

(62) Tar Êđê tở dlông, Mnông Bih tở gũ, tar yũ ngổ amáo pô si *ông!* (Khắp người Êđê trên cao, người Mnông, người Bih dưới thấp, khắp tây đông không ai như *ngươi*) [I; tr.20].

(63) *Ti wang ti meah, ti blah ti rai msē si ñu anăn* (Đánh đầu đập tan đó, vây đầu phá nát đó như họ (*chàng*)) [I; tr.52].

* *Bổ ngữ là câu bị bao*

Bổ ngữ còn chứa một cấu trúc C-V. Cấu trúc đó là một câu bị bao (nòng cốt đơn). Tuy nhiên về cấu trúc cú pháp thì câu bị bao này đóng vai trò là bổ ngữ cho vị tố so sánh và hoàn toàn tương đương với một từ (cụm từ) có chức năng là bổ ngữ trong câu quan hệ so sánh.

(64) *Hlei poh hgor, poh amāo mdei kngan. Tông si aē drei đum bi tông.* (Ai đánh trống, đánh không dùng tay. Đánh như ông chúng ta xưa từng dạy đánh) [I; tr.44].

(65) *Krao ưh ưh msē mnuih ruā kjham* (Miệng khừ khừ như người ốm nặng) [II; tr.126].

Thành phần bổ ngữ đa phần được nối với vị tố quan hệ so sánh một cách trực tiếp. Đôi khi, do sự chi phối của vị tố quan hệ so sánh hay của nhịp điệu câu nói, hoặc do mục đích thông báo mà bổ ngữ có thể nối gián tiếp (thông qua quan hệ từ).

(66) *Diō khil ñu wīl si kō mkao, đao ñu kda si yang hruē.* (Khiên hẵn tròn như đầu cú, gương hẵn ánh như mặt trời) [I; tr.47] - (Bổ ngữ được nối trực tiếp với vị tố so sánh).

(67) *Tiē boh ỡng không hĩn kơ aduôn ỡng đum* (Con còn ngang tàng hơn cả bà con xưa) [II; tr.114] - (Bổ ngữ được nối gián tiếp với vị tố so sánh).

3. Kết luận

Cấu trúc của câu so sánh được người Êđê sử dụng khá phổ biến trong các thể loại văn học dân gian, đặc biệt là trong các trường ca, sử thi. Cấu trúc này thể hiện khá rõ nét trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã. Chúng cũng phản ánh cách tư duy tộc người trong tư thế ngang bằng và thích so sánh để khẳng định điều muốn nói. Nghiên cứu một cách khái quát hóa về cấu trúc câu quan hệ so sánh trong hai sử thi này, chủ yếu trên bình diện kết học, chúng tôi rút ra kết luận rằng:

Cấu trúc của câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã gồm các yếu tố: chủ ngữ - vị tố so sánh - bổ ngữ, trong đó chủ ngữ và bổ ngữ thường do hai tham thể quan hệ hiện thực hóa thành, còn quan hệ được hiện thực hóa trong vai trò của vị tố. Chủ ngữ là yếu tố mang quan hệ so sánh được ấn định bởi vị tố nêu quan hệ so sánh. Còn bổ ngữ là yếu tố được ấn định bởi vị tố quan hệ so sánh, nó là thành phần câu làm rõ nghĩa cho quan hệ so sánh được nêu ở vị tố. Chủ ngữ được cấu tạo đa dạng bằng danh từ (cụm danh từ), động từ (cụm động từ), tính từ (cụm tính từ), đại từ và cũng có thể diễn đạt bằng một câu bị bao. Bổ ngữ cũng tương tự. Trong câu, bổ ngữ cũng diễn đạt bằng danh từ (cụm danh từ), động từ (cụm động từ), tính từ, đại từ hoặc câu bị bao. Vị tố quan hệ so sánh là những từ có chứa nét nghĩa quan hệ nêu thuộc tính và là yếu tố chính của câu về nghĩa cũng như cấu trúc cú pháp. Từ làm vị tố quan hệ so sánh gồm từ chỉ quan hệ so sánh không dùng độc lập và tính từ có ý nghĩa quan hệ so sánh.

Bên cạnh đó, cấu trúc của câu quan hệ so sánh trong Sử thi Đăm Săn và Sử thi Xing Nhã còn có những bộ phận không thuộc cấu trúc cú pháp, chúng là những thành phần biệt lập như: biệt tố tình thái, liên tố, phần phụ chú. Sự xuất hiện của các thành phần biệt lập này giúp cho câu quan hệ so sánh trong hai sử thi này được đầy đủ hơn về mặt ý nghĩa và sinh động hơn trong cách diễn đạt.

Ghi chú: Bài viết này là kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2025: “Đặc điểm cấu trúc so sánh trong Sử thi Xing Nhã” do Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ và Tây Nguyên chủ trì thực hiện.

Ngữ liệu tham khảo

- I. Nguyễn Hữu Thấu (2003). *Sử thi Êđê - Khan Đăm Săn và khan Kteh Mlan*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- II. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hoá (2007). *Kho tàng sử thi Tây Nguyên - Sử thi Ê-đê - Xing Nhã*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

Hoàng Phê (chủ biên). (2011). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng - Trung tâm Từ điển học (Vietlex) Hà Nội - Đà Nẵng.

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk - Viện Ngôn ngữ học. (2011). *Ngữ pháp tiếng Êđê*. Nxb Giáo dục.